



VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, MÔI TRƯỜNG VÀ BIỂN
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

SỐ THÁNG 04 NĂM 2026



MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH.....	iv
GIỚI THIỆU	1
PHẦN I.	2
ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG.....	2
TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 2026	2
1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp	2
1.2. Sâu bệnh hại đối với một số cây trồng	4
1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng.....	4
PHẦN II.	6
DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 05–07/2026	6
2.1. Xu thế khí hậu thời kỳ tháng 05–07/2026	6
2.2. Rủi ro khí hậu đối với cây trồng trong tháng 05–07/2026.....	6
2.3. Rủi ro khí hậu đối với vật nuôi trong tháng 05–07/2026.....	9
PHẦN III. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 5/2026 ĐẾN THÁNG 7/2026	11

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNB	Đông Nam Bộ
ENSO	Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
TN	Tây Nguyên
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SNM	Số ngày mưa
STNN	Sinh thái nông nghiệp
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index)
TLM	Tổng lượng mưa
Tx	Nhiệt độ tối cao trung bình
Tm	Nhiệt độ tối thấp trung bình
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 4/2026.....	4
Bảng 2. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa từ lượng mưa dự báo thời kỳ 05–07/2026	7
Bảng 3. Tổng hợp mức độ thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng một số cây trồng do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu (05–07/2026)	8
Bảng 4. Tổng hợp giải pháp ứng phó rủi ro khí hậu đối với cây trồng (05–07/2026)	11

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/4/2026 đến ngày 20/4/2026 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp.....	3
Hình 2. Chỉ số hạn nông nghiệp K(KPenman=Mưa/bốc hơi) từ ngày	5
Hình 3. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 4/2026	5
Hình 4. Dự báo theo chỉ số hạn nông nghiệp (Penman) từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026	9
Hình 5. Dự báo nhiệt độ từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026 (°C).....	10
Hình 6. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026 dựa trên chỉ số THI	10

GIỚI THIỆU

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu – Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển định kỳ xuất bản bản tin **“Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp”** hàng tháng, nhằm cung cấp thông tin cập nhật và hỗ trợ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp.

Bản tin được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và phân tích số liệu từ các nguồn dữ liệu, tài liệu chuyên ngành:

- Số liệu quan trắc khí tượng, khí tượng nông nghiệp từ mạng lưới trạm quan trắc trên toàn quốc do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sâu bệnh và sản xuất nông nghiệp từ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Các kết quả phân tích, dự báo khí hậu từ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển.

Bản tin tháng 4/2026 gồm ba phần chính:

- Phần I – Điều kiện khí tượng nông nghiệp và cây trồng từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 4 năm 2026.
- Phần II – Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp và rủi ro đến sản xuất nông nghiệp từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026.
- Phần III – Khuyến nghị đối với sản xuất nông nghiệp từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu trân trọng giới thiệu bản tin tháng 4/2026, với kỳ vọng hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp.

PHẦN I.

ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 2026

1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

Từ ngày 01 đến ngày 20/04/2026, nhiệt độ có xu thế tăng trong cả nước và lượng có sự phân hóa mạnh theo không gian. Điều kiện thời tiết cơ bản là thuận lợi cho sinh trưởng cây trồng vụ xuân – hè. Tuy nhiên, các yếu tố bất lợi như nắng nóng và không mưa ở các tỉnh phía Nam vẫn tiếp tục ảnh hưởng xấu đến cây trồng (Hình 1).

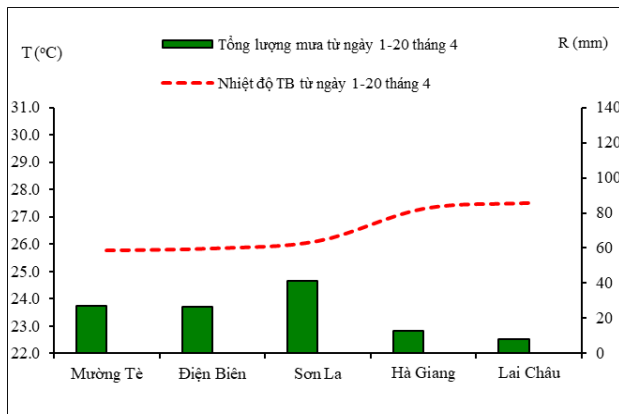
Nhiệt độ. Trong nửa đầu tháng 4, nhiệt độ trên cả nước tăng rõ rệt so với tháng 3, phổ biến tăng thêm khoảng 1–2°C. Khu vực miền Bắc dao động khoảng 23–26°C, trong đó trung du và miền núi thấp hơn (khoảng 22–25°C); Đồng bằng sông Hồng duy trì mức 24–26°C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 25–28°C. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ có nền nhiệt cao hơn, khoảng 26–29°C, trong khi Đồng bằng sông Cửu Long đạt mức 28–30°C, một số nơi xuất hiện nắng nóng nhẹ vào ban ngày.

Lượng mưa. Lượng mưa trong 20 ngày đầu tháng 4 có xu hướng gia tăng nhẹ so với tháng 3 nhưng phân bố không đều. Khu vực miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ xuất hiện mưa rải rác, có nơi đạt 50–120 mm. Đồng bằng sông Hồng vẫn duy trì lượng mưa thấp, dưới 40 mm. Duyên hải Nam Trung Bộ có mưa cục bộ nhưng không đáng kể. Trong khi đó, Đông Nam Bộ và ĐBSCL không có mưa vì vậy khu vực Nam Bộ có nguy cơ xảy ra khô hạn.

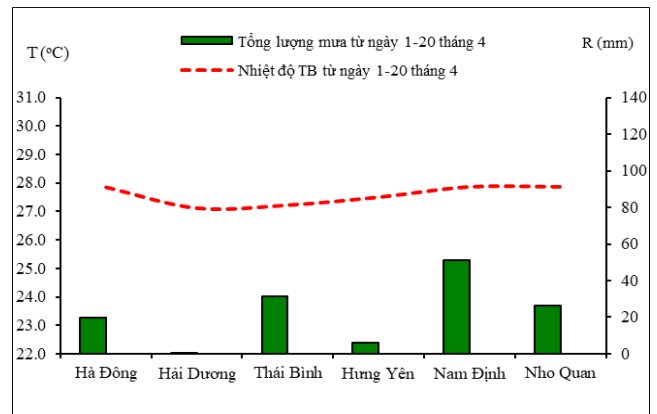
Độ ẩm không khí. Độ ẩm trung bình tại khu vực miền Bắc và Trung Bộ dao động từ 70–85%, có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Trong khi đó, Tây Nguyên và Nam Bộ có độ ẩm thấp hơn, phổ biến từ 60–75%, đặc biệt trong các ngày nắng nóng.

Các hiện tượng khí tượng bất lợi.

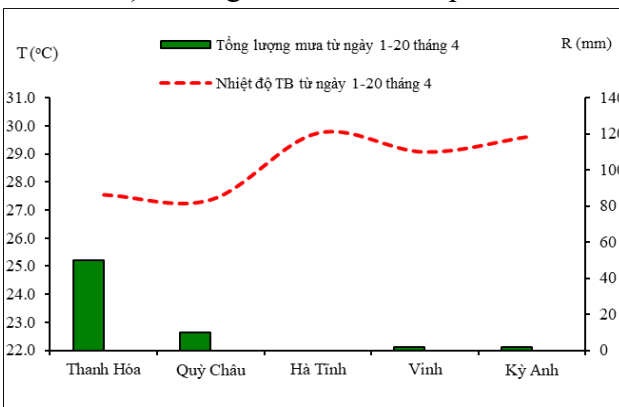
- Nắng nóng: gia tăng tại Tây Nguyên và Nam Bộ gây khô hạn và thiếu nước tưới cho cây trồng.
- Đông, lốc, sét, mưa đá: xuất hiện tại , ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và hoạt động ngoài trời.



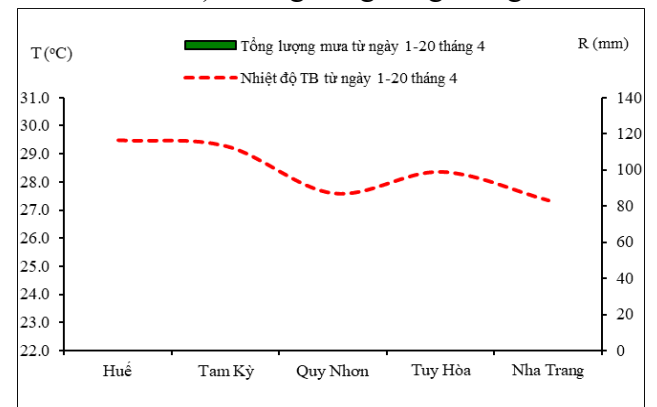
a) Trung du và miền núi phía Bắc



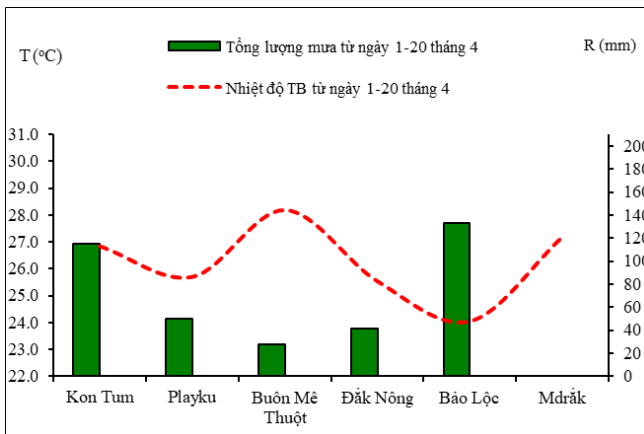
b) Đồng bằng sông Hồng



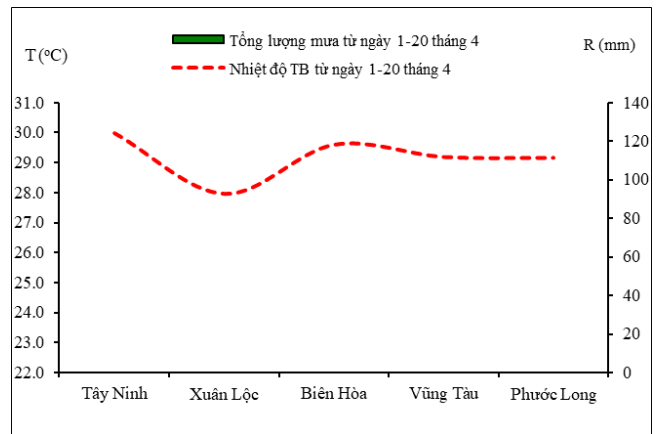
c) Bắc Trung Bộ



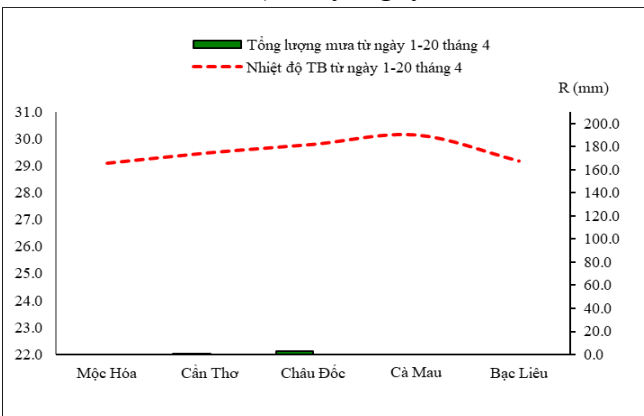
d) Duyên hải Nam Trung Bộ



e) Tây Nguyên



f) Đông Nam Bộ



g) Đồng bằng sông Cửu Long

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/4/2026 đến ngày 20/4/2026 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp

1.2. Sâu bệnh hại đối với một số cây trồng

Dựa trên báo cáo Tình hình sản xuất và sinh vật gây hại cây trồng của cục Trồng trọt và BVTV cho thấy sâu bệnh hại tiếp tục phát sinh trên một số cây trồng chính.

+ Trên cây lúa

Theo thống kê cho thấy sâu cuốn lá nhỏ là đối tượng có diện tích nhiễm lớn nhất là bệnh khô vằn (36.620 ha), tiếp đến là sâu cuốn lá nhỏ (9.046 ha) và rầy hại lúa (4.853 ha). Các loại sâu bệnh ảnh hưởng đến cây lúa xuất hiện ở nhiều vùng sinh thái khác nhau, nhưng tập trung nhiều và lặp lại ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, cùng với một số khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Lâm Đồng).

+ Cây trồng khác

Cây Cà phê: diện tích nhiễm bệnh lớn nhất là bệnh khô cành (3.339 ha), tiếp theo là bệnh gỉ sắt (3.106 ha). Xét về mức độ nghiêm trọng, bệnh khô cành cà phê cũng là đối tượng gây thiệt hại nặng nhất với 45 ha nhiễm nặng, cao hơn so với các loại sâu bệnh khác. Các đối tượng sâu bệnh xuất hiện ở nhiều vùng, nhưng tập trung chủ yếu tại khu vực Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng) và Đông Nam Bộ.

Đối với cây ngô: sâu keo mùa thu có diện tích nhiễm 388 ha tập chung ở Trung du miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Hồng. Một số khu vực Tây Nguyên (Đắk Lắk, Lâm Đồng), ĐBSCL (An Giang).

Cây Thanh Long: Tập chung xuất hiện tại các khu vực phía Nam như TP.HCM, Tây Ninh, Đồng Tháp chủ yếu ảnh hưởng của bệnh đốm nâu với diện tích bị ảnh hưởng là 998ha.

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng

a. Đối với cây trồng

Từ ngày 01 đến ngày 20/04/2026, tình trạng khô hạn có xu hướng gia tăng gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Kết quả tính toán chỉ số hạn Penman cho thấy khu vực Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến ở mức độ hạn nặng đến nghiêm trọng, các khu vực khác từ hạn vừa cho đến hạn nặng. (Bảng 1, Hình 2).

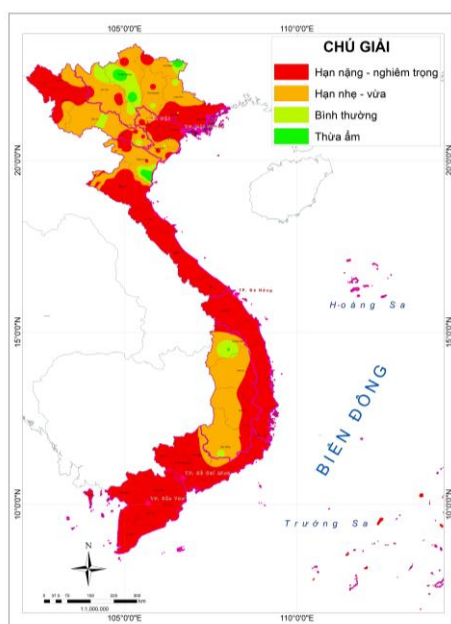
Bảng 1. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 4/2026

Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
ĐBSH	Sơn Tây	117.3	6.2	-111.1
	Hà Đông	114.8	8.8	-106.0
	Hải Dương	108.7	21.0	-87.7

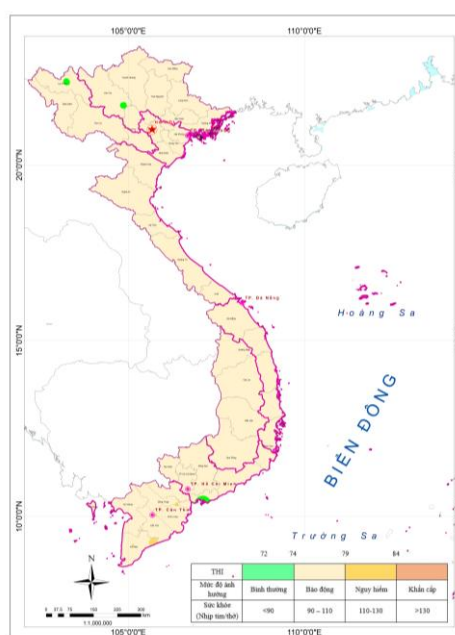
Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
	Hưng Yên	112.2	40.4	-71.8
	Nam Định	113.8	0.6	-113.2
	Văn Lý	108.4	8.7	-99.7
	Nho Quan	118.8	11.8	-107.0
	Ninh Bình	113.5	1.8	-111.7
	Thái Bình	111.2	5.4	-105.8
ĐBSCL	Mộc Hóa	Trống vù		
	Mỹ Tho			
	Cao Lãnh			
	Càng Long			
	Châu Đốc			
	Cần Thơ			
	Sóc Trăng			
	Rạch Giá			
	Bạc Liêu			

b. Đối với vật nuôi

Theo chỉ số nhiệt – ẩm (THI), điều kiện nhiệt ẩm gây stress nhiệt ở mức báo động cho gia súc, gia cầm trên phạm vi cả nước (Hình 3).



Hình 2. Chỉ số hạn nông nghiệp K(KPenman=Mưa/bốc hơi) từ ngày 1-20 tháng 4/2026



Hình 3. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 4/2026

PHẦN II.

DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 05–07/2026

2.1. Xu thế khí hậu thời kỳ tháng 05–07/2026

Theo bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” số tháng 4/2026) cụ thể như sau:

(1) Nhiệt độ: Trong mùa 3 tháng 5-7/2026, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

(2) Lượng mưa: Trong mùa 3 tháng 5-7/2026, TLM có khả năng xấp xỉ giá trị TBNN cùng thời kỳ trên hầu hết các khu vực cả nước.

(3) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan trong mùa 3 tháng 5-7/2026:

- Xoáy thuận nhiệt đới: Số lượng XTND hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (3-4 cơn trên Biển Đông và 1-2 cơn ảnh hưởng Việt Nam).

- Nắng nóng: Có khả năng tiếp tục xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, và cường độ có thể gay gắt hơn TBNN. Đối với khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, nắng nóng có khả năng kéo dài đến tháng 5-6.

- Điều kiện khô hạn: xuất hiện cục bộ ở khu vực Trung Bộ.

2.2. Rủi ro khí hậu đối với cây trồng trong tháng 05–07/2026

Trong tháng 05–07/2026, các điều kiện khí hậu dự báo có thể gây ra một số rủi ro đối với cây trồng, chủ yếu thông qua khô hạn, thiếu/thừa nước và sự gia tăng nguy cơ sâu bệnh.

Điều kiện khô hạn: Theo chỉ số hạn Penman, từ tháng 05 - 07/2026 cho thấy phần lớn diện tích cả nước có xu hướng là đủ ẩm đến thừa ẩm, Tuy nhiên hạn nhẹ vẫn xuất hiện cục bộ dọc ven biển miền Trung từ Gia Lai đến Khánh Hòa. Ngoài ra vào tháng 6 hạn nhẹ có thể xuất hiện tại khu vực Trung bộ (Hà Tĩnh, Quảng Ngãi) (Hình 4).

Đối với cây lúa vùng ĐBSH, ĐBSCL: Từ tháng 05-07 lượng nước đều đáp ứng đủ cho cây lúa sinh trưởng và phát triển.

Ảnh hưởng của điều kiện nhiệt – ẩm gây phát sinh sâu bệnh hại:

Trong điều kiện nền nhiệt gia tăng, độ ẩm cao có khả năng phát sinh sâu bệnh. Trên cây lúa, nguy cơ gia tăng sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu; trên các cây trồng khác như ngô tiếp tục có nguy cơ gia tăng bệnh sâu keo mùa thu. Đối với cà phê, thanh long, các dịch hại chính tiếp tục có khả năng phát sinh trong thời kỳ dự báo.

Bảng 2. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa từ lượng mưa dự báo thời kỳ 05–07/2026

Vùng sinh thái	Trạm	thiếu (-)/Thừa (+) nước (m ³ /ha)			Nhận định
		Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	
ĐBSH	Sơn Tây	+482.6	+1380.6	+1647.0	Tháng 5: Thiếu nước Tháng 6,7: Đủ nước
	Hà Đông	+264.2	+1042.4	+1256.3	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Hải Dương	+84.7	+1084.1	+1281.4	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Hung Yên	+107.4	+792.5	+1287.1	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Nam Định	+51.2	+725.4	+1215.5	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Văn Lý	-4.7	+681.4	+1165.5	Tháng 5: Thiếu nước Tháng 6,7: Đủ nước
	Nho Quan	+15.5	+756.5	+1271.2	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Ninh Bình	+419.5	+916.8	+1243.9	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Thái Bình	+39.4	+784.9	+1222.3	Tháng 5,6,7: Đủ nước
ĐBSCL	Mộc Hóa	+237.9	+176.4	+870.7	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Mỹ Tho	+325.6	+215.8	+901.4	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Cao Lãnh	+304.3	+261.4	+921.0	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Càng Long	+411.2	+375.0	+970.4	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Châu Đốc	+293.4	+212.3	+891.7	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Cần Thơ	+323.1	+335.8	+920.0	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Sóc Trăng	+909.8	+1008.3	+1119.9	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Rạch Giá	+928.3	+1001.4	+1594.7	Tháng 5,6: Đủ nước Tháng 7: Thừa nước
	Bạc Liêu	+575.1	+1206.6	+1294.5	Tháng 5,6,7: Đủ nước
	Cà Mau	+1111.3	+1407.4	+1890.7	Tháng 5,6: Đủ nước Tháng 7: Thừa nước

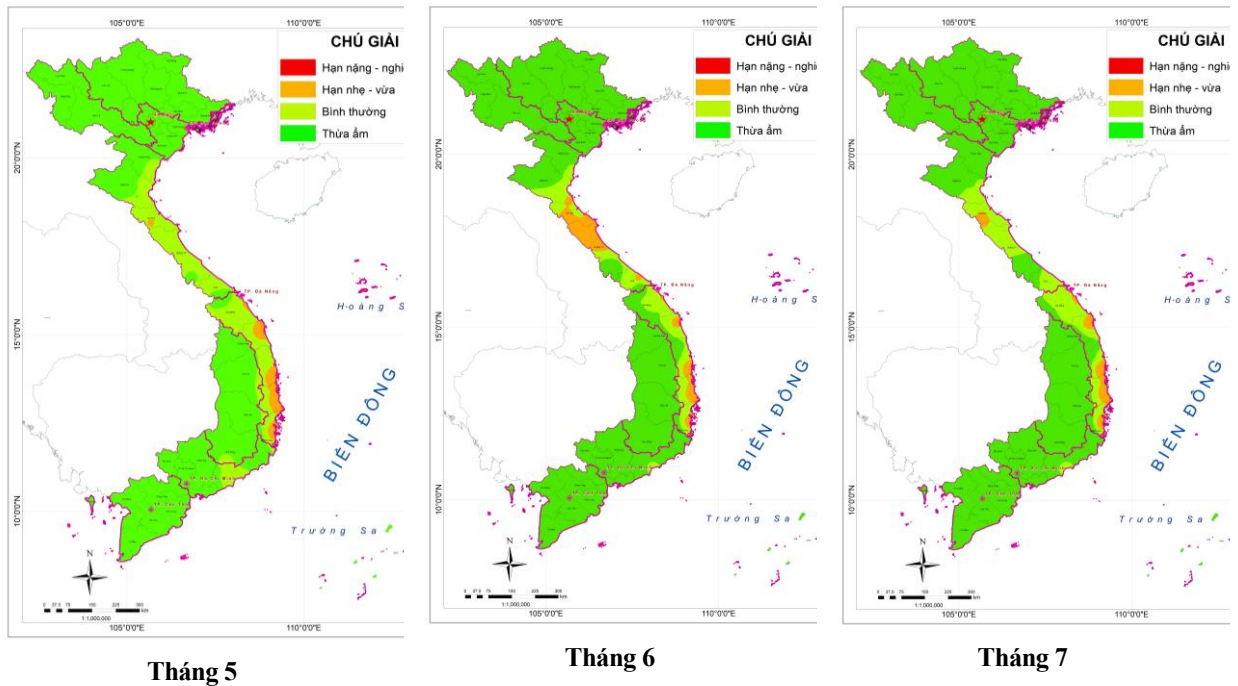
Bảng 3. Tổng hợp mức độ thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng một số cây trồng do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu (05–07/2026)

Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2026											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
TDMNPB	Lúa					TL	TL	TL					
	Lúa nương					TL	TL	TL					
	Ngô					TL	TL	TL					
ĐBSH	Lúa					ITL	TL	TL					
BTB	Lúa					ITL		TL					
	Lạc					ITL		TL					
DHNTB	Lúa					ITL	ITL	ITL					
	Thanh Long					ITL	ITL	ITL					
TN	Lúa					ITL	ITL	ITL					
	Cà phê					ITL	ITL	ITL					
ĐNB	Lúa					TL	TL	TL					
	Thanh Long					TL	TL	TL					
ĐBSCL	Lúa					ITL	TL	TL					

Chú giải:

	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN



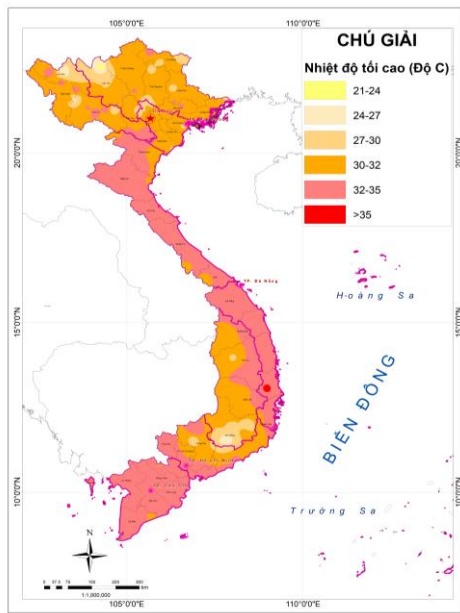
Hình 4. Dự báo theo chỉ số hạn nông nghiệp (Penman) từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026

2.3. Rủi ro khí hậu đối với vật nuôi trong tháng 05–07/2026

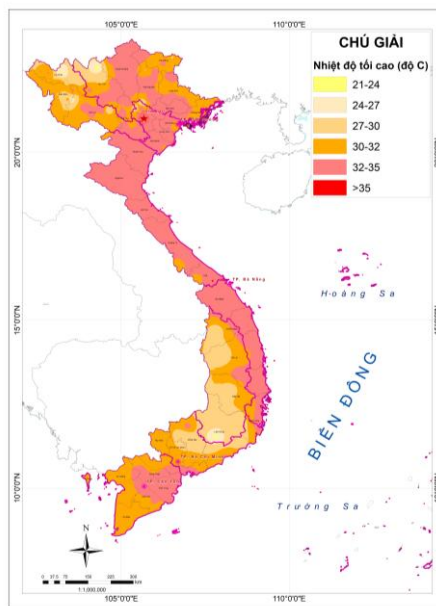
Trong tháng 05–07/2026, do nền nhiệt – ẩm tăng gây stress nhiệt đối với gia súc, gia cầm làm rối loạn hô hấp và suy giảm sức đề kháng.

Tháng 05/2026: theo chỉ số THI, ảnh hưởng ở mức báo động trên phạm vi cả nước (Hình 5).

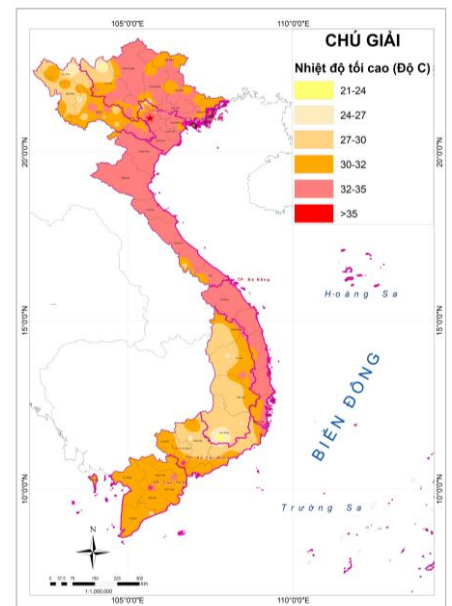
Tháng 06,07/2026: Nhiệt độ gia tăng, nắng nóng xuất hiện nhiều, khu vực ĐBSH và Trung Trung Bộ ảnh hưởng ở mức nguy hiểm đến sức khỏe vật nuôi, các khu vực khác ở mức báo động. (Hình 6).



Nhiệt độ tối cao trung bình tháng 5

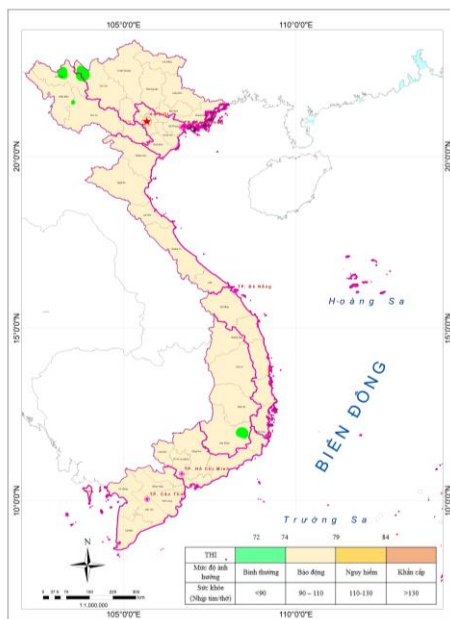


Nhiệt độ tối cao trung bình tháng 6

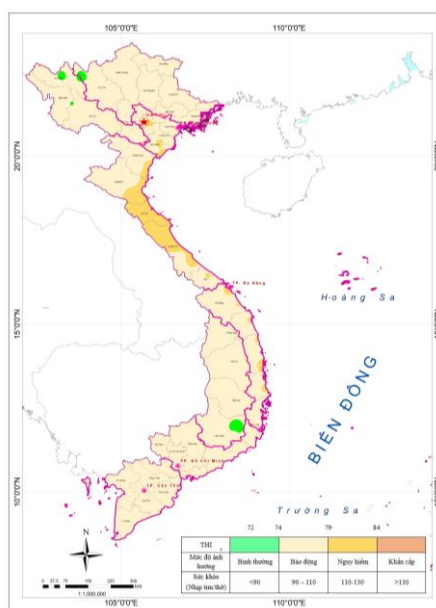


Nhiệt độ tối cao trung bình tháng 7

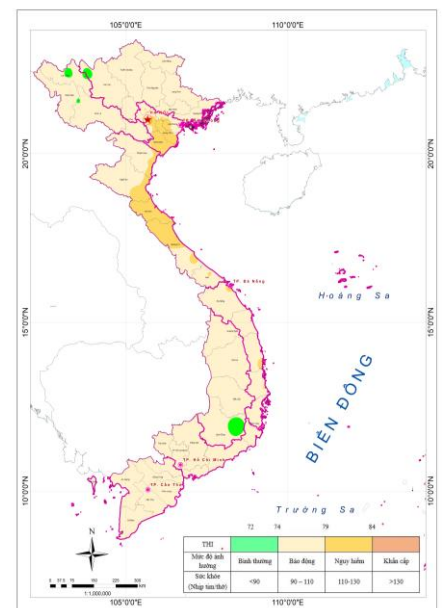
Hình 5. Dự báo nhiệt độ từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026 (°C)



Tháng 5



Tháng 6



Tháng 7

Hình 6. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026 dựa trên chỉ số THI

PHẦN III. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 5/2026 ĐẾN THÁNG 7/2026

a. Đối với cây trồng

Bảng 4. Tổng hợp giải pháp ứng phó rủi ro khí hậu đối với cây trồng (05–07/2026)

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu chính	Tháng 05/2026	Tháng 06/2026	Tháng 07/2026
TDMNPB	Lúa	Tháng 05,06,07 Đủ nước	Duy trì độ ẩm đất tự nhiên (Thu hoạch)	Duy trì lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)	Duy trì lớp nước nông 3–5 cm trên mặt ruộng (Mạ - đẻ nhánh)
	Ngô	Tháng 05,06,07 Thừa ẩm	Duy trì độ ẩm đất tự nhiên (Thu hoạch)	Đảm bảo độ ẩm đất từ 65–80% (Gieo cấy)	Đảm bảo độ ẩm đất từ 65–80% (Cây con-phát triển lá)
ĐBSH	Lúa	Tháng 5: Thiếu nước Tháng 6,7 Đủ nước	Duy trì độ ẩm đất tự nhiên (Thu hoạch)	Duy trì lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)	Duy trì lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Mạ - Đẻ nhánh)
BTB	Lúa	Tháng 05,06,07 Đủ nước	Duy trì độ ẩm đất tự nhiên (Thu hoạch)	Chủ động tưới đảm bảo lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)	Chủ động tưới đảm bảo lớp nước nông 3–5 cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)
	Lạc	Tháng 05,06,07 đủ ẩm	Duy trì độ ẩm đất tự nhiên (Thu hoạch)	Chủ động tưới nước đảm bảo độ ẩm cho cây phát triển (Gieo trồng)	Chủ động tưới bổ sung nước (Mọc mầm 2–3 lá)
DHNTB	Lúa	Tháng 4,5,6 Khô hạn nhẹ	Duy trì độ ẩm đất tự nhiên (Thu hoạch)	Chủ động tưới nước đảm bảo lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo trồng)	Chủ động tưới nước đảm bảo lớp nước nông 3–5cm trên mặt ruộng (Gieo trồng)
	Thanh long	Tháng 5,6,7 khô hạn nhẹ	Duy trì độ ẩm tự nhiên ,chăm sóc cây	Chủ động tưới nước đảm bảo độ ẩm, duy trì hoạt động chăm sóc cây	Chủ động tưới nước đảm bảo độ ẩm, duy trì hoạt động chăm sóc cây (Chăm sóc – thu hoạch)
Tây Nguyên	Lúa	Tháng 05,06,07 Thừa nước	Duy trì độ ẩm tự nhiên để cây phát triển tối ưu (Lúa chín)	Chủ động tưới nước đảm bảo độ ẩm cho lúa phát triển tốt (Thu hoạch)	Chủ động tiêu thoát nước đảm bảo độ ẩm cho lúa phát triển tốt (Thu hoạch)

	Cà phê	Tháng 05,06,07 đủ ẩm	Duy trì độ ẩm tự nhiên để quả triển tới ưu (Quả chín)	Chủ động tưới nước đảm bảo độ ẩm cho lúa phát triển tốt (Thu hoạch)	Chủ động tưới nước đảm bảo độ ẩm cho lúa phát triển tốt (Thu hoạch)
ĐNB	Lúa	Tháng 05,06,07 Đủ nước	Duy trì độ ẩm tự nhiên (giai đoạn lúa chín – thu hoạch)	Chủ động tưới nước đảm bảo bảo mực nước 2-3cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)	Chủ động tưới nước đảm bảo bảo mực nước 3-5cm trên mặt ruộng (mạ -đẻ nhánh)
	Thanh long	Tháng 05,06,07 Thừa ẩm	Duy trì độ ẩm tự nhiên đảm bảo chất lượng quả (Thu hoạch)	Duy trì độ ẩm đảm bảo chất lượng quả (Thu hoạch)	Duy trì độ ẩm ổn định (Chăm sóc – phát triển thân lá)
ĐBSCL	Lúa	Tháng 05,06 Đủ nước Tháng 07: Thừa nước	Duy trì độ ẩm tự nhiên (giai đoạn lúa chín – thu hoạch)	Điều tiết nước phù hợp (giai đoạn lúa chín – thu hoạch)	Chủ động tiêu thoát nước đảm bảo mực nước 2-3cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)

b. Đối với vật nuôi

Cần có các giải pháp ứng phó tác động của nhiệt ẩm đối với sức khỏe của gia súc và gia cầm, đặc biệt là khu vực ĐBSH và Trung Bộ.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu,
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Hà Nội.
Email: ktnn.imhen@mae.gov.vn